TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HS-PT
Ngày 22 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần ngọc Như

Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1968 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1930, vợ tên Trần Thị Kim P, sinh năm 1970 và 02 người con lớn sinh năm 1992 nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, không bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Lý Hoàng T**, sinh năm 1991 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958, vợ tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1991 và 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2009 về hành vi đánh bạc, không bị xử lý kỷ luật;

khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Đỗ Thành A**, sinh năm 1976 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1946 và bà Lê Thị V, sinh năm 1949, vợ tên Trần Ngọc A, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2013 và 2015 về hành vi cố ý gây thương tích, không bị xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh năm 1990 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1950, chồng tên Nguyễn Công M (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, không bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

5. Họ và tên: **Cao Văn U**, sinh năm 1988 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Công M, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, không bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt)

6. Họ và tên: **Trần Thị V**, sinh năm 1985 tại xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1950, chồng tên Trần Thanh P, sinh năm 1974, con hai người sinh năm 2009 và 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, không bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ngọc D**, sinh năm 1968 tại xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp 7, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị K (đã chết), vợ tên Ngô Thị Phương C, sinh năm 1970, con hai người sinh năm 1991 và 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân không có án tích, không bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật; khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2018 đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Cao Văn U, Trần Thị V và Nguyễn Văn Ngọc D:* Bà Tạ Nguyệt T, là Luật sư của Công ty luật hợp danh Tạ Nguyệt T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ ngày 27/12/2017, Công an huyện H bắt quả tang Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Y, Đỗ Thành A, Lý Hoàng T, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D, Trần Thị V và Trần Thị T đang đánh bài ăn thua bằng tiền tại nhà của ông Mai Văn T, sinh năm 1973 thuộc ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình bắt quả tang thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

Thu giữ trên chiếu bạc: Số tiền 2.400.000 đồng; 52 lá bài tây đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu BBV màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 chiếu bằng lát.

Thu giữ dưới giường gần vị trí ngồi đánh bài số tiền 3.700.000 đồng.

Thu giữ trên vách tường gần vị trí đánh bài 01 bộ bài tây chưa sử dụng.

Thu giữ trên người của Nguyễn Minh Đ: Số tiền 5.948.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen.

Thu giữ trên người của Nguyễn Văn Y: Số tiền 2.244.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng.

Thu giữ trên người của Đỗ Thành A: Số tiền 13.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cảm ứng màu đen.

Thu giữ trên người của Lý Hoàng T: Số tiền 2.060.000 đồng.

Thu giữ trên người của Cao Văn U: Số tiền 18.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen.

Thu giữ trên người của Trần Thị T: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung cảm ứng màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 18 giờ ngày 27/12/2017, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Y, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Nguyễn Văn Ngọc D, Lê Hoàng N, Mai Thị G (còn gọi Hoàng H, là mẹ của Lê Hoàng N); Mai Hoài A cùng đến nhà của Mai Văn T (nhà trống do gia đình đi làm thuê xa) để đánh bài binh Ấn Độ 6 lá ăn thua bằng tiền, khi chơi thì chia làm 04 tụ gồm: Lý Hoàng T và Đỗ Thành A 01 tụ; Nguyễn Văn Y và Nguyễn Minh Đ 01 tụ; Trần Thị T và Nguyễn Văn Ngọc D 01 tụ; Lê Hoàng N và Mai Thị G 01 tụ. Mỗi tụ làm cái xoay vòng từ 1 đến 3 bàn, mỗi bàn đặt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi chơi được khoảng

30 phút thì Trần Thị V và Cao Văn U đem nước lại cho mọi người uống do Đỗ Thành A điện thoại kêu đem lại. Lúc này, Trần Thị V lấy 250.000 đồng cho Cao Văn U mượn để đánh bài ăn tiền. Đồng thời, Trần Thị V tham gia ké tụ của Lý Hoàng T và Đỗ Thành A mỗi bàn đặt 100.000 đồng, còn Cao Văn U thì ké thạnh thua hết 250.000 đồng. Sau đó, Lê Hoàng N và Mai Thị G nghỉ chơi đi về thì Mai Hoài A vào chơi tụ của N và G để lại, lúc này Cao Văn U tham gia ké tụ của Mai Hoài A, kết quả Mai Hoài A thua nên Hoài A nghỉ chơi đi về, U do đã hết tiền nên thiếu tụ cái là Đ và Y 100.000 đồng. Khi Mai Hoài A về thì U trực tiếp chơi tụ của Mai Hoài A để lại khi đang chơi thì bị Công an bắt quả tang.

Bị cáo Đ thừa nhận sử dụng 5.948.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Bị cáo Y thừa nhận sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, đánh bài thắng được 500.000 đồng; Bị cáo Hoàng T thừa nhận sử dụng 1.960.000 đồng để đánh bạc, đánh bài thắng được 100.000 đồng; Bị cáo A thừa nhận sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo Thị T thừa nhận sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc; Bị cáo D thừa nhận đánh bạc chung tụ bài với bị cáo Thị T và tiền dùng đánh bạc là của bị cáo Thị T chứ bị cáo không có tiền dùng để đánh bạc; Bị cáo V khi chơi không có tiền và đến lúc bị bắt thì không ăn cũng không thua; Bị cáo U thừa nhận mượn tiền của bị cáo V 250.000 đồng chơi thua hết và còn nợ tụ cái (tụ của Đ và Y) 100.000 đồng, đang đặt chơi 100.000đ thì bị bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Trần Thị V, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lý Hoàng T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Đỗ Thành A 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Cao Văn U 06

tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Thị V 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T và Cao Văn U kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Trần Thị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D kháng cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T và Cao Văn U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Trần Thị V bổ sung nội dung kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội đánh bạc và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

- Về hình thức: Kháng cáo của các bị cáo Trần Thị V, Nguyễn Văn Ngọc D, Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Cao Văn U, Trần Thị T được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự về quyền kháng cáo, thủ tục và thời hạn kháng cáo, nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và đưa ra xét xử phúc thẩm là đúng luật định. Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị V, Nguyễn Văn Ngọc D bổ sung, thay đổi nội dung kháng cáo phù hợp quy định tại Điều quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên đề nghị xem xét chấp nhận.

- Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, xét thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Cao Văn U, Trần Thị V, Nguyễn Văn Ngọc D đã cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, xử phạt các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A 09 tháng tù; xử phạt các bị cáo Trần Thị T, Cao Văn U 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D 03 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Các bị cáo Đ, Hoàng T, A, Thị

T, U, D kháng cáo, nhưng không có tình tiết mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với bị cáo Trần Thị V bị xử phạt 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Xét về vai trò, tính chất, mức độ tham gia của bị cáo Trần Thị V nhận thấy, bị cáo tham gia đánh bạc ở giai đoạn sau, mức độ tham gia ít hơn các bị cáo khác, bị cáo chịu trách nhiệm với số tiền cho bị cáo Cao Văn U mượn để đánh bạc là 250.000đ, đồng thời bị cáo cũng tham gia với vai trò thứ yếu là ké thạnh vào tụ của các bị cáo Lý Hoàng T và Đỗ Thành A. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ 02 đến 03 tháng tù là phù hợp, xét thấy cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị V. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Trần Thị V từ 02 đến 03 tháng tù; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D. Giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D. Những phần còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trình bày của Luật sư: Hành vi phạm tội đã được làm rõ luật sư không lập lại. Các bị cáo đều nhận tội, các bị cáo kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo. Tuy nhiên, về căn cứ áp dụng pháp luật chưa phù hợp, thời điểm xảy ra tháng 12/2017, khi xét xử không áp dụng Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là bất lợi cho các bị cáo, do mức định lượng tối thiểu của luật mới lên đến 5.000.000 đồng. Khi bắt quả tang công an xác minh và xác nhận Nguyễn Minh Đ đem tiền mua heo, lời khai của Đ thừa nhận nếu thua thì sẽ lấy tiền này ra trả cho người thắng, từ lời khai này mà án sơ thẩm xác định bị cáo sử dụng số tiền 5.948.000đ để đánh bạc là chưa đúng. Căn cứ hành vi của bị cáo và lời khai tại bút lục số 253, 254 suốt quá trình đánh bài Đ chưa lấy tiền mua heo ra sử dụng và số tiền này vẫn còn trong bọc khi bắt quả tang, bị cáo có 200.000đ để ở túi trên để đánh bài, so sánh lời khai có mâu thuẫn, bị cáo không sử dụng tiền mua heo đánh bạc, tiền đánh bạc 200.000đ được để riêng, như vậy căn cứ buộc tội chỉ có lời khai bị cáo Đ, việc dùng lời khai của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, việc suy đoán bị cáo sẽ dùng tiền mua heo đánh bài là bất lợi cho bị cáo, trái với quy định pháp luật theo nguyên tắc suy đoán có lợi cho bị cáo và thực tế bị cáo không sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc, Kiểm sát viên buộc tội là không đúng. Đề nghị xem xét các bị cáo đánh bạc với số tiền 6.160.000đ và áp dụng Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo, số tiền đánh bạc của các bị cáo chỉ mới vượt định mức tối thiểu, các bị cáo đều có từ 2 đến 3 tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao giảm án và cho các bị cáo hưởng án treo. Việc cách ly các bị cáo ra đời sống xã hội là không cần thiết,

hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp ý kiến Luật sư: Áp dụng điều luật tại thời điểm phạm tội là phù hợp, đối với tội đánh bạc, tại Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 được sủa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt nặng hơn Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, nên việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm là có căn cứ. Số tiền đánh bạc là số tiền thu giữ tại chiếu bạc và trên người đã và sẽ đánh bạc, thu giữ trên người bị cáo Đ 5.948.000đ phù hợp với thực tế và diễn biến vụ án nên xem xét các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc là 12.108.000đ là có căn cứ. Bị cáo Đ trình bài phát sinh thêm 200.000đ để riêng đánh bạc, lời trình bày của bị cáo chưa được làm rõ, nếu truy tố thì bất lợi cho các bị cáo. Trước tình hình tội phạm ngày càng gia tăng và phức tạp, việc đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND xử các bị cáo dưới khung hình phạt và cho hưởng án treo là không phù hợp, không đủ tính răn đe, phòng ngừa chung, lời tình bày của luật sư không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo D không mang theo tiền, không có ý định đánh bạc, nhưng trong quá trình điều tra thể hiện bị cáo Thị T và bị cáo D có quan hệ tình cảm, có sử dụng tiền chung, bị cáo Thị T rủ bị cáo D đánh bạc nên có căn cứ xác định ý định đánh bạc của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên đề nghị đối với Bản án sơn thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị V bổ sung nội dung kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội đánh bạc và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo của các bị cáo là đúng qui định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Nguyễn Văn Ngọc D, Cao Văn U và Trần Thị V thừa nhận hành vi đánh bạc như bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể: Vào khoảng 18 giờ ngày 27/12/2017, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Y, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Nguyễn Văn Ngọc D, Lê Hoàng N, Mai Thị G; Mai Hoài A, Trần Thị V và Cao Văn U cùng đến nhà của Mai Văn T (nhà trống do gia đình đi làm thuê xa) để đánh bài binh Ấn Độ 6 lá ăn thua bằng tiền, khi đang chơi thì bị Công an huyện H bắt quả tang.

Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 12.108.000đ. Trong đó:

+ Thu trên người của Nguyễn Minh Đ là 5.948.000đ;

+ Thu trên người của Nguyễn Văn Y là 1.500.000đ;

+ Thu trên người của Lý Hoàng T là 2.060.000đ;

+ Cao Văn U giao nộp là 200.000đ;

+ Thu tại chiếu bạc là 2.400.000 đồng (Có số tiền dùng để đánh bạc của Đỗ Thành A là 1.500.000đ; Cao Văn U, Trần Thị V 250.000đ; Trần Thị T, Nguyễn Văn Ngọc D 700.000đ).

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, nên án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng lớn đến trật tự địa phương, nên các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi các bị cáo gây ra.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Cao Văn U và Trần Thị V và Nguyễn Văn Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy: Tổng số tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm là 12.108.000 đồng, Tuy nhiên khi tham gia đánh bạc thì số tiền cá nhân các bị cáo dùng vào việc đánh bạc khác nhau, do vậy cần xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Cụ thể:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.948.000 đồng. Xét thấy, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Đ sử dụng tiền vào việc đánh bạc nhiều nhất so với các bị cáo khác, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha tên Nguyễn Văn C là thương binh, mẹ tên Bùi Thị H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ngày 19/11/2018 bị cáo Đ nộp đơn yêu cầu xem xét với nội dung bị cáo có anh là Nguyễn Văn D tham gia kháng chiến và đã hy sinh (liệt sĩ) và 2 anh của bị cáo là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C được tặng Huy chương kháng chiến hạng hai. Như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 tháng tù là chưa xem xét toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Lý Hoàng T là 2.060.000đ và A là 1.500.000đ, số tiền đánh bạc của hai bị cáo Hoàng T và A ít hơn bị cáo Đ, nhưng về nhân thân bị cáo Hoàng T đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A đã bị xử phạt hành chính 2 lần về hành vi cố ý gây thương tích, mặc dù các bị cáo đã thực hiện xong quyết định xử phạt hành chính và hiện tại không còn tiền sự đối với những lần bị xử phạt, nhưng cũng cần xem xét về nhân thân của các bị cáo trong việc chấp hành pháp luật tại địa phương; về các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm có

xem xét cho các bị cáo như: Bị cáo Hoàng T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo tên Lý Văn T được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, ông nội bị cáo tên Lý Văn B, bà nội tên Trần Thị A được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại tên Lê Bá Đ, bà ngoại tên Trần Thị K được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, ông nội tên Đỗ Văn C được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Như vậy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 tháng tù là nghiêm khắc, do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Trần Thị T là 700.000 đ, bị cáo Cao Văn U là 450.000đ; bị cáo Trần Thị V không có tiền nhưng ké tụ của Lý Hoàng T, bàn đầu tiên ăn được 100.000đ, quá trình chơi có ăn, thua nhưng đến khi bị bắt quả tang thì bị cáo không còn tiền; bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D không có mang tiền theo đánh bạc nhưng chơi cùng tụ với bị cáo Thị T. Xét thấy các bị cáo tham gia đánh bạc số tiền không lớn nên mức hình phạt cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Thị T và V có cha tên Trần Văn M, mẹ tên Nguyễn Thị U được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo D là con liệt sĩ. Như vậy, các bị cáo Thị T, V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo U được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn về điều kiện cho hưởng án treo. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đối với Nguyễn Văn Y đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã truy nã và tách ra khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[5] Đối với các đối tượng Mai Thị G, sinh năm 1958; Lê Hoàng N, sinh năm 1979 và Mai Hoài A, sinh năm 1989 không có ở địa phương nên chưa làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[6] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng về hình phạt đối với các bị cáo án sơ thẩm xử phạt là chưa phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận phần đề nghị của diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về mức hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư tại phiên tòa đối với các bị cáo Thị T, V, U và D; đối với bị cáo Đ, Luật sư cho rằng bị cáo chỉ đánh bạc 200.000đ là số tiền bị cáo để trên túi áo, còn số tiền 5.948.000đ thu giữ trên người bị cáo thì bị cáo chưa dùng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên tại biên bản hỏi cung bị can ngày 02/3/2018 bị cáo thừa nhận số tiền 5.948.000đ bị thu giữ bị cáo mang theo sử dụng vào mục đích đánh bài ăn tiền (bút lục 144). Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Đ tham gia đánh bạc với số tiền 5.948.000đ. Chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư về giảm án đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A và áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Trần Thị T, Trần Thị V, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Trần Thị V, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí.

[9] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Trần Thị V, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Trần Thị T, Trần Thị V, Cao Văn U, Nguyễn Văn Ngọc D phạm tội "Đánh bạc".

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Lý Hoàng T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thành A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Cao Văn 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thánh là 12 tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/11/2018).

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị V 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thánh là 12 tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/11/2018).

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thánh là 12 tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/11/2018).

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thánh là 12 tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/11/2018).

7. Giao bị cáo Cao Văn U, Trần Thị V, Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; giao bị cáo Nguyễn Văn Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Cao Văn U, Trần Thị V, Trần Thị T và Nguyễn Văn Ngọc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo Cao Văn U, Trần Thị V, Trần Thị T và Nguyễn Văn Ngọc D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lý Hoàng T, Đỗ Thành A, Cao Văn U, Trần Thị V, Trần Thị T và Nguyễn Văn Ngọc D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

9. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND huyện H(01b);
- Phòng HS nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện H (02b);
- CQĐT huyện H (01b);
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện H (01b);
- Chi cục THADS huyện H (01b);
- Sở tư pháp (01b);
- Bị cáo (01b/người);
- Lưu:HS, THCTP, THS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Trần Ngọc Như